TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2018/HS-ST
Ngày 2-8- 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Oanh và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 2 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 06 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P; Tên gọi khác: Chuột; Sinh ngày 13 tháng 3 năm 1989; Tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ PU; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn T, sinh năm: 1958; Con bà: Phạm Thị T1, hiện trú tại: phường T, thành phố B; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con;Tiền án; tiền sự: Không;

***** Ngày 28/02/2018 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị bắt tạm giữ, ngày 01/03/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1987; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

* Người chứng kiến: Anh Nguyễn Trần Quốc Văn; sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P là người nghiện chất ma tuý từ năm 2012.Vào lúc 19h ngày 28/02/2018, P một mình điều khiển xe mô tô biển số 47L2-3248 đến khu vực nghĩa trang cũ đường P, thuộc phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tìm mua ma tuý sử dụng. Tại đây, P đưa cho người nam giới (không rõ nhân thân lai lịch) số tiền 800.000đồng để nhờ mua giúp ma túy đá. Người nam giới này cầm tiền bỏ đi khoảng một giờ sau quay lại đưa cho P 04 gói ma túy đá. P cất giấu ma túy trong túi áo khoác đang mặc, điều khiển xe mô tô đi về. Khi P đi đến trước số nhà 48 thuộc phường T2, thành phố B thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk, phát hiện bắt quả tang thu giữ trong túi áo khoác P đang mặc 04 túi nylon đều chứa chất rắn dạng tinh thể được niêm phong theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 273/GĐMT-PC54 ngày 06/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể đựng trong 04 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma tuý, có tổng khối lượng 0,4466gam, loại: Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 170/CT-VKS ngày 11/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,4011gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 273/GĐMT-PC54 của Công an Tỉnh Đăk lăk.

- Trả lại cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Intel model it2150 và số tiền 7.600.000đ là tài sản của bị cáo P không liên đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 47L2-3248, quá trình điều tra xác định: Xe này thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987, Trú tại: phường T, thành

phố B (là chị ruột của P). Ngày 28/02/2018, chị L cho P mượn xe làm P tiện đi lại và không biết việc P dùng xe mô tô biển số: 47L2-3248 để đi mua ma túy. Nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B, không tạm giữ xe mô tô biển số: 47L2-3248 và không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị L.

Đối với biển số: 47L2-3248, Cơ quan điều tra Công an thành phố B, đã tra cứu xác định: Số khung, số máy của xe 47L2-3248 không thay đổi, tuy nhiên biển số xe là giả. Do quá trình sử dụng xe, biển số này bị hư hỏng nên chị L đã tự ý phục chế, việc này Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với chị L. Đề nghị tịch thu, tiêu hủy biển số giả 47L2-3248.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do ý thức coi thường pháp luật, nên vào ngày 28/02/2018, bị cáo đã nhận ma túy loại Methamphetamine từ đối tượng là nam giới (không rõ nhân thân lai lịch), cất giấu trong túi áo khoác đang mặc trên đường đi đến trước số nhà 48 đường A thuộc phường T2, thành phố B thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk, phát hiện bắt quả tang. Kết quả thu giữ được của bị cáo là 0,4466gam,chất: Methamphetamine.

Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Văn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng khối lượng là 0,4466gam ma túy loại Methamphetamine.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a,……;

b,……;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây tác hại xấu cho xã hội về nhiều mặt, bị cáo là người nhận thức được chất ma túy là loại dược liệu đặc biệt do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép. Song, vì ý thức coi thường Pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm hại đến chính sách quản lý chất ma tuý của Nhà nước, mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ngoài ra còn gây tổn hại đến sức khoẻ của con người, gây mất trật tự trị an ở địa P; do đó, cần buộc cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định nhằm giáo dục bản thân bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

* Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tách hành vi bán ma tuý cho bị cáo P của đối tượng là nam giới (không rõ nhân thân lai lịch), ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trao trả chiếc xe mô tô biển số 47L2-3248, cho chị Nguyễn Thị L, nhận quản lý sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy biển số giả 47L2-3248.

- Tịch thu tiêu hủy 0,4011gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 273/GĐMT-PC54 của Công an Tỉnh Đăk lăk.

- Trả lại cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Intel model it2150 và số tiền 7.600.000đ là tài sản của bị cáo P không liên đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[3] Xét về hành vi thực hiện các Quyết định tố tụng và điều tra thu thập chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 02 *(hai)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/03/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trao trả chiếc xe mô tô biển số 47L2-3248, cho chị Nguyễn Thị L, nhận quản lý sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy biển số giả 47L2-3248.

- Tịch thu tiêu hủy 0,4011gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 273/GĐMT-PC54 của Công an Tỉnh Đăk lăk.

- Trả lại cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Intel model it2150 và số tiền 7.600.000đồng là tài sản của bị cáo P không liên đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1- TANDTC;
- TAND Tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- CC THADS TP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An